TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH T**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 73/2024/QĐST-HNGĐ	*L, ngày 07 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN T LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 151/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2024 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, giữa:

- NguY đơn: Chị Đ T T , sinh năm 1983
- Bị đơn: Anh H V Y , sinh năm 1984

Đều có địa chỉ: khu N 3, xã L , huyện L, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 55, Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 luật thi hành án dân sự.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận T ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận T ly hôn giữa: Chị Đ T T và anh H V Y.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Đ T T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là H T H, sinh ngày 19/7/2005 và H T T H, sinh ngày 28/6/2013. Anh H V Y có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung cùng chị T là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng)/01con/01 tháng x 02 con = 5.000.000đ (Năm triệu đồng)/02 con/ 01 tháng, kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

Anh H V Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, các thành viên trong gia đình không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.
- Về nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Hai bên đều không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Đ T T xin chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng cộng là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp tạm ứng án phí, lệ phí Toà, theo biên lai thu số 0006328 ngày 25/7/2024. Chị T đã nộp đủ tiền án phí sư thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP./.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Thảo